

LIÊM CHÍNH VÀ THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH (QUA KHẢO CỨU QUAN TRƯỜNG THỜI LÊ - TRỊNH THẾ KỶ XVII - XVIII)

Phan Ngọc Huyền

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong đạo đức của người làm quan thời kỳ quân chủ, liêm chính luôn được đặt lên hàng đầu. Thực hành liêm chính cũng là việc làm khó nhất đối với mỗi người làm quan trước sự chi phối và cám dỗ của quyền lợi và vật chất. Từ việc tìm hiểu nội hàm của liêm chính và nguyên tắc thực hành liêm chính đối với quan lại, bài viết này khảo cứu việc thực hành liêm chính trong quan trường thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài trong hai thế kỷ XVII - XVIII. Thông qua những sự kiện và con người cụ thể, bài viết nhằm làm rõ hai khía cạnh “liêm chính” và “không liêm chính” đan xen với nhau trong sự nghiệp chính trị của một số quan lại, từ đó góp phần nhận diện rõ hơn “bức tranh đa màu sắc” về thực trạng quan trường ở Đàng Ngoài thời kỳ này.

Từ khóa: liêm chính, thực hành liêm chính, quan lại, Lê - Trịnh, thế kỷ XVII - XVIII.

1. Mở đầu

Khảo cứu về thực hành liêm chính từ tiếp cận lịch sử là một vấn đề mới trong hướng nghiên cứu về quan chế và chính sách trị lại nói chung. Đặt trong thế kỷ XVII - XVIII, một thời kỳ lịch sử có nhiều biến động về chính trị, xã hội thì những khảo cứu cụ thể liên quan trực tiếp về vấn đề này còn rất khiêm tốn. Trong một vài công trình chuyên khảo về thế kỷ XVII - XVIII như: *Văn hóa chính trị Việt Nam - Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII* của Lê Kim Ngân (1974) do Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản [1] hay *Thiết chế và phương thức tuyển dụng quan lại của chính quyền nhà nước trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII* của Trần Thị Vinh (2012) do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản [2], các tác giả đã phác thảo khá kỹ về thể chế chính trị và những phương thức bổ nhiệm, tuyển chọn quan lại dưới thời Lê Trung Hưng. Tuy nhiên, khía cạnh thực hành liêm chính của quan lại các cấp thời kỳ này ra sao chưa được các tác giả tập trung khảo cứu.

Một số công bố của Phan Ngọc Huyền (2017) về “Tham nhũng và phòng chống tham nhũng thời Lê - Trịnh thế kỷ XVIII” (*Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5/2017, tr. 46 - 55) [3] hay bài viết xuất bản cùng năm đó với tựa đề “Liêm chính trong đạo làm quan của Lê Quý Đôn” (*Tạp chí Khoa học Xã hội Tp. Hồ Chí Minh*, số 4, tr. 1-8) [4] đã bước đầu phân tích được thực trạng tham nhũng và các chính sách phòng, chống tham nhũng của nhà nước Lê - Trịnh hoặc đi sâu lí giải quan điểm về liêm chính cũng như cách thức thực hành liêm chính của Lê Quý Đôn trong thế kỷ XVIII.

Tiếp nối những nghiên cứu trên, bài viết này sẽ lí giải cặn kẽ hơn nội hàm của liêm chính và một số nguyên tắc cơ bản của thực hành liêm chính trong đạo làm quan thời quân chủ. Đồng

Ngày nhận bài: 2/3/2022. Ngày sửa bài: 29/4/2022. Ngày nhận đăng: 7/5/2022.

Tác giả liên hệ: Phan Ngọc Huyền. Địa chỉ e-mail: huyenpn@hnue.edu.vn

thời, bài viết sẽ phân tích việc thực hành liêm chính trên thực tế trong quan trường thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài ở cả hai khía cạnh: “liêm chính” và “bất liêm chính”. Kết quả của việc khảo cứu này hi vọng sẽ cung cấp một góc nhìn toàn diện hơn về quan trường nói riêng và chế độ chính trị nói chung trong thế kỉ XVII và XVIII.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Liêm chính và những nguyên tắc thực hành liêm chính trong đạo làm quan

Từ thời cổ, nội hàm của “liêm”, “liêm chính” đã trải qua nhiều cách giải thích khác nhau.

Xét về từ nguyên, “liêm” (廉) trong *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận được giải thích ngắn gọn: “Liêm: trắc dã. Tòng quảng, kiêm thanh” (Liêm, tức là trắc vậy, theo bộ quảng chỉ nghĩa, kiêm chỉ thanh). Chữ “trắc” (仄) ở đây cũng giống như “trắc” (側), chỉ cạnh nghiêng (lệch) sang bên. Do đó, nghĩa ban đầu của “liêm” là chỉ cạnh (góc) nghiêng trong các công trình nhà ở, phòng ốc. Phần đá (gạch) đặt ở các góc (cạnh) nghiêng bao giờ cũng được tu chỉnh rất cẩn thận, tỉ mỉ, đặt ở góc tường cao. Từ lớp nghĩa đen này, khi chuyển sang nghĩa bóng (nghĩa mở rộng) gắn với con người là để chỉ những phẩm chất đạo đức thanh cao, giản kiệm, nghiêm túc, không tham lợi, cầu thả [5; 10].

Từ thời cổ về sau, “liêm” được giải thích bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nội hàm của “liêm” có 5 lớp nghĩa cơ bản: “Cạnh (góc) bên ở trong thất đường”; “góc nghiêng”; “liêm khiết không tham lam”; “giá rẻ”; “điều tra, khảo sát”. Khi gắn nội hàm của “liêm” với hành vi của con người thì “liêm” biểu ý về đạo đức với hàm ý chỉ sự tiết kiệm, không tham lam, giúp hình dung về phẩm hạnh đạo đức của người đoan chính, nghiêm túc, không cầu thả [6; 118-119].

Khi “liêm” kết hợp với “chính” thành từ “liêm chính”, nội hàm cơ bản sẽ có hai tầng ý nghĩa: Thứ nhất là chỉ sự liêm khiết, dù có thấy sự ô uế cũng không bị nhiễm, tức chỉ ý không tham lam. Thứ hai chỉ giá rẻ. Xét từ phạm trù kinh tế thị trường, nó chỉ giá rẻ; từ góc độ tài chính, nó chỉ sự tiết kiệm, giảm bớt mà ngược lại chính là việc chi dùng tài chính quốc gia quá khếch trương, quá mức, đẩy trách nhiệm gánh nặng lên vai người dân, như vậy chính là không liêm khiết [7; 118].

Trong Tiếng Việt, “liêm” được giải thích ngắn gọn là không tham lam, trong sạch; “chính” là chính trực, ngay thẳng, công bằng. “Liêm chính” được hiểu đơn giản là “trong sạch và ngay thẳng”. Người coi trọng sự liêm khiết sẽ luôn hướng đến lối sống và hành vi đoan chính, không tham lam, vụ lợi. Người có phẩm chất chính trực sẽ luôn tôn trọng các quy tắc, chuẩn mực chung khi gắn với vị trí, công việc cụ thể được giao, có lời nói và hành động nghiêm minh khi thực thi công vụ, không “biến công vi tư”. Theo tầng nghĩa mở rộng như vậy thì liêm chính còn là “việc tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực chung”.

Liêm chính khi đặt trong các phẩm chất, đạo đức cần có của người làm quan luôn gắn với sự công bằng, chính nghĩa, không thiên tư, vụ lợi. Do đó, liêm chính trong quan trường theo quan niệm của người xưa luôn hướng đến một nền chính trị công bằng, chính trực mà để hiện thực hoá được điều ấy, điều cốt yếu phải xuất phát từ bản thân của mỗi viên quan làm sao phải thực hành được sự thanh liêm, chính trực trong đạo làm quan [8; 12].

Thực hành liêm chính vì vậy có vai trò đặc biệt quan trọng, liên quan mật thiết đến con đường sự nghiệp của từng cá nhân: hoặc tên tuổi sẽ lưu danh thiên cổ hoặc sẽ bị dứt gãy sự nghiệp và để lại “vết nhoe” trong cuộc đời làm quan. Đối với mỗi quốc gia, liêm chính và xu hướng ngược lại sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và suy vong của một quốc gia.

Để thực hành liêm chính, trước tiên cần xác định được thanh liêm là điều quan trọng nhất của người làm quan. Sách *Sĩ hoạn châm quy* (viết về những quy tắc, phượng châm hành xử của người làm quan) biên soạn từ thời Lê sơ xác định rằng: “Thanh liêm là điều quan trọng nhất của

kẻ làm quan, kẻ làm quan chức thì không nên vì danh lợi mà làm ra chuyện không tốt thì sẽ tránh được nhân dân oán hận, làm quan thì phải luôn thận trọng” [9; 335].

Thanh liêm luôn gắn với sự công bằng, chính trực: “Đạo làm quan nên lấy việc công bằng chính trực để làm cái chính, đã làm việc công thì không nên bị việc tư làm cho mê hoặc, đã chính trực thì sẽ không để cho gian tà có thể mua chuộc bản thân” [9; 357-358]. Nếu như trong suy nghĩ của người làm quan đã có sự công bằng, chính trực thì dù có sự gièm pha, mua chuộc thế nào cũng không thể tác động được và người đó cũng sẽ không dễ thỏa hiệp bản thân để làm những việc sai trái. Ngạn ngữ có câu: “Một điều chính trực có thể đè bẹp vạn điều gian tà”. Vì thế, trong chôn quan trường, một vị quan tốt chính là người mà trong suốt cuộc đời làm quan của mình luôn phải thực hiện đúng nguyên tắc giữ mình sao cho thật “công bằng” và “chính trực”.

Thanh liêm, công bằng, chính trực luôn gắn liền với nhau. Đó là cái gốc để giúp cho người làm quan giữ được mình trong sạch, không vướng vào các thói tệ: “Người thi hành pháp luật phải liêm khiết. Vì những tệ nạn đều do tham quan sinh ra. Người thi hành pháp luật mà tham thì làm sao xóa bỏ được tệ nạn...Cho nên người thi hành pháp luật nhất định phải có đạo đức để xóa bỏ tệ nạn và trước tiên phải nghiên cứu nguồn gốc sinh ra cái tệ nạn đó để xóa bỏ được tận gốc. Nhưng nhất định bản thân phải chính trực, vô tư thì mới tìm ra được cái tệ nạn của người khác. Nếu bản thân mình không thể trừ bỏ được tệ nạn trong con người mình thì làm sao mà thuyết minh để trừ bỏ tệ nạn của người khác” [9; 359].

Điều này cũng giống như chia sẻ của Lê Quý Đôn ở phần “Sĩ quy” trong *Vân Đài loại ngữ* khi ông dẫn lại lời của học giả đời Tống là Chân Tây Sơn (Chân Đức Tú): “Kẻ sĩ liêm, cũng như con gái trinh khiết. Nếu làm điều ô uế một tí, thì để điếm nhục một đời. Đừng tưởng mình ở trong nhà tối. Thực ra có bốn cái biết soi vào [trời biết, đất biết, người biết, ta biết – TG. chú]. Dầu ta không tự trọng, nhưng cái tâm của ta là thần minh, có thể dối được hay sao” [10; 363-364]. Do đó, giữ được sự liêm khiết, công bằng chính là cách để chiến thắng chính mình trước những cám dỗ về lợi ích vật chất và cũng là cách để thu phục nhân tâm: “Trí thức, người ta có kẻ cao người thấp. Tài năng, có người lanh người chậm. Đó là do trời phú bẩm. Nhưng giữ gìn tâm thuật, phải nhờ ở công phu tu tính...Lấy đoan thuần làm gốc, giữ cho cẩn thận, làm cho kính cẩn, giữ cho công bằng; trong sạch, mà thông suốt; thẳng, mà khoan hòa; siêng, mà giản tĩnh; lúc nào cũng như lúc nào, thế là được nhân tâm [10; 339].

Thứ hai, thực hành liêm chính cần dựa trên nguyên tắc “việc công thì phải theo phép công mà làm”. Lời răn trong *Sĩ hoạn châm quy* nhấn mạnh: “Trên công đường không được nói chuyện riêng và khi mặt trời lặn mới được về. Phải đi sớm về tối, sợ rằng không làm hết việc” [9; 364]. Vì thế, đã là quan phụ mẫu thì phải có trách nhiệm với công việc mình làm, phải biết phân biệt đâu là việc công, việc tư. Nếu là việc công thì nhất định phải tuân theo phép công mà làm, không được giải quyết với mục đích riêng tư.

Thứ ba, thực hành liêm chính còn cần đảm bảo nguyên tắc lấy lợi ích của dân làm trọng. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn từng dẫn lời của Âu Dương Tu thời Tống cho rằng: “Trị dân không hỏi quan lại có tài giỏi hay không, hễ dân cho là tiện tức là quan lại giỏi. Cai trị mà đến nỗi là dân kêu là không tiện thì có nên không? [11; 33]. Vậy thế nào là “tiện”? Lê Quý Đôn cho rằng: “Trị dân bằng vô sự, không sinh việc cũng không bỏ việc thì dân tự cho là tiện. Dân đã lấy làm tiện thì cũng là vô sự” [11; 35]. Muốn vô sự thì phải thực hành liêm chính, chủ trương cai trị “khoan giản” với dân, trong đó: “Khoan là không hà khắc, giản là không phiền toái. Người thức giả cho là nói phải” [10; 361].

Trong đạo làm quan, đảm bảo mỗi lợi cho dân luôn là điều cần làm thì xứng đáng là “bậc cha mẹ của dân” (dân chi phụ mẫu). Người làm quan vì thế: “Phải tích trữ để phòng khi bất trắc và nên ăn đúng bổng lộc nhà mình, không được tranh lợi với dân, bổng lộc từ dân mà ra, phải coi trọng bổng lộc thì sẽ như nguồn nước đầy không bao giờ cạn kiệt” [9; 355]. Đó mới chính là biểu hiện của một vị quan thanh liêm, giống như quan niệm của Đặng Huy Trứ khi ông viết:

“Mình thiệt, lợi dân, dân gắn bó
Đẻo dân, mình béo, dân cắn hòn
Hòn cắn, gắn bó tùy ta cả
Duy chữ thanh, thanh đối thế nhân” [12; 204].

Trên thực tế, những nguyên tắc để thực hành liêm chính như trên không dễ hiện thực hóa ở chốn quan trường. Nhận thức và giáo dục nhận thức về liêm chính trong đạo làm quan thời nào cũng có, song thực hành liêm chính trong thực tế của từng cá nhân lại là câu chuyện rất khác. Đó là lí do cho thấy tệ tham quan ô lại không dễ diệt trừ được tận gốc.

2.2. Thực hành liêm chính trong quan trường thời Lê - Trịnh thế kỉ XVII - XVIII

Thực hành liêm chính như đã nói là việc làm khó nhất đối với mỗi người làm quan. Thời kì nào cũng vậy, thực hành liêm chính trên thực tế luôn có hai mặt của nó: một bộ phận vẫn cố gắng giữ được sự liêm chính công minh, một bộ phận không nhỏ lại thể hiện rõ sự suy thoái, không liêm chính trước sự cám dỗ của lợi ích và vật chất. Thế kỉ XVII - XVIII là thời kì thể hiện khá rõ hai “mảng màu” đối lập đó trong một “bức tranh” chung về chính trị, xã hội và quan trường.

2.2.1. Hiện tượng quan lại làm trái đạo liêm chính

Từ thế kỉ XVII, ngoài gánh chịu hậu quả bởi cuộc nội chiến giữa họ Trịnh và họ Nguyễn, đời sống của nhân dân Đại Việt ở Đàng Ngoài còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng quan lại nhũng nhiễu, cường hào làng xã thao túng. Đến cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII, tình trạng tham quan ô lại ngày càng gia tăng, khiến hoạt động của bộ máy quản lí nhà nước ở Đàng Ngoài ngày càng kém hiệu quả. Tiếc rằng, ghi chép về các vụ việc quan lại phạm tội tham ô, những nhiễu bị triều đình thụ lí xử phạt trong chính sử có phần tản mát nên chưa thể có con số thống kê cụ thể.

Một đoạn tư liệu chép trong *Đại Việt sử kí tục biên* dưới đây góp phần giúp chúng ta hình dung rõ thực trạng đó:

“[Năm Chính Hòa thứ 12 (1691)] Tham chính Sơn Nam là Tống Nho... Tham chính Thái Nguyên là Nguyễn Trí Trung... Phủ doãn Nguyễn Đăng Tuấn... Giám sát Vũ Duy Chí đều bị liệt vào hạng kém, bị biếm chức không cho làm nhiệm vụ cũ. Tham chính Kinh Bắc là Phạm Quang Trạch vì khảo xét thành tích các quan trong kinh không thích đáng, bị biếm xuống làm Đô cấp sự. Tư huân Nguyễn Quang Thọ (người Quảng Bá, huyện Quảng Đức) vào hạng kém, bị truất, vì xin suy ân, nên lại bị biếm xuống Tư nghị là chức thuộc viên trong hàng văn. Do đó các sĩ đại phu đều lấy việc giữ gìn phong cách tiết tháo để tự cổ lệ mình. Việc thỉnh thác cầu cạnh không còn” [13; 36].

Chi tiết ghi chép cho rằng “việc thỉnh thác cầu cạnh không còn” trong đoạn tư liệu trên thể hiện góc nhìn lạc quan song vẫn có phần phiến diện của sử quan vì trên thực tế tình trạng đó vẫn khá phổ biến. Ngay trong *Đại Việt sử kí tục biên* cũng có chép một số sự kiện tản mát sau đó như việc Bồi tụng Đoàn Tuấn Khoa có con ăn hối lộ bị phát giác vào năm Chính Hòa thứ 17 (1696) hay vụ Thái phó Toàn quận công Trịnh Quyền “hay ức hiếp cướp đoạt của cải của dân thường” bị bãi miễn quan tước vào năm Chính Hòa thứ 19 (1698) [13; 42-45].

Nửa cuối thế kỉ XVIII là giai đoạn chính trị rối ren ở Đàng Ngoài. Trong triều đình, vua Lê chủ yếu chỉ “khoanh tay rù áo” phó mặc cho chúa Trịnh cai trị đất nước. Sự sa sút của chính quyền trung ương đã đưa đến hệ quả “thượng bất chính, hạ tắc loạn”, khiến bộ máy quan lại các cấp ở địa phương càng có cơ hội nhũng nhiễu các thói tệ.

Tình trạng mua quan bán tước đã diễn ra công khai khi từ năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747), triều đình cho phép trăm quan “ai nộp tiền hoặc thóc sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau” [14; 594]. Thậm chí đến năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), triều đình còn cho phép dân nộp thóc tùy theo số lượng để bổ nhiệm chức Tri phủ và Tri huyện. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép lời phê về việc đó như sau: “Phủ huyện là người tiêu biểu của dân, triều đình giao phó cho cai trị hàng trăm dặm đất, trách nhiệm không nhỏ. Thế mà lại cho người nộp

của đề làm quan ở phủ huyện, vậy thì coi việc vui mừng việc đau khổ của dân, chẳng phải cũng quá khinh thường lắm ư?” [14; 642].

Quan hệ dựa trên đồng tiền đã chi phối đời sống chính trị, xã hội, khiến cho mọi giá trị trong cuộc sống bị đảo lộn. Trong khoa cử, giáo dục, các khoa thi vẫn mở ra song chất lượng thì ngày càng sa sút với sự xuất hiện của hiện tượng “sinh đồ ba quan” vì có lệnh của triều đình cho phép “mỗi người nộp ba quan tiền, sẽ miễn phải khảo hạch và đều cho đi thi, gọi là “tiền thông kinh”... Do đấy, người làm ruộng, người buôn bán, người đồ tể đều hơn hờ nộp quyền đi thi... Trong trường thi thì kẻ mang sách, kẻ mượn người làm gà, hành động thả cửa, quan trường cũng người gian trá làm như hợp chợ” [14; 605].

Việc dùng tiền để mua quan, bán tước công khai cùng với hiện tượng cầu cạnh, hối lộ để chạy chức và được thăng tiến trở nên phổ biến đã khiến “quan trường chưa được trong sạch” [13; 332].

Hiện tượng vi phạm đạo liêm chính của người làm quan diễn ra phổ biến ở nhiều lĩnh vực. Trong việc thu nộp và quản lí thuế khóa thì xảy ra tình trạng “đua nhau bớt xén, tính toán gian lận sổ sách, che giấu cho nhau để cùng làm việc gian dối” [13; 244]. Những người được giao chức nhiệm trung thu thóc lúa, trông giữ kho khố cũng phần nhiều những lạm, che dấu lẫn cho nhau, tệ ấy không kể xiết” [13; 416]. Ngay cả trong quân đội cũng diễn ra tình trạng bòn rút ngân quỹ, cố tình nhận hối lộ để trục lợi cá nhân khiến cho sức mạnh quân sự của triều đình trung ương suy giảm.

Qua những ghi chép tản mát của sử sách thời Hậu Lê, không khó để điểm mặt, kể tên những cá nhân cụ thể đã bị xử phạt vì vi phạm đạo liêm chính trong thời kì này.

Bảng 1. Thống kê một số viên quan không liêm chính tiêu biểu trong thế kỉ XVIII

Thời gian	Tên các viên quan bị xử phạt	Hành vi phạm tội	Nguồn dẫn
Năm Chính Hòa thứ 24 (1703)	Tham chính Sơn Nam Nguyễn Đăng Long	“Đòi hỏi, sách nhiễu quá lạm, làm việc lại tâm thường”	[13; 52]
Năm Chính Hòa thứ 24 (1703)	Lễ khoa Cấp sự trung Nguyễn Hưng Công bị đi đày	“Hà khắc tham nhũng, làm cho dân chúng bàn luận xôn xao”	[13; 52-53]
Năm Bảo Thái thứ 6 (1725)	Lưu thủ Tuyên Quang Hiến trí hầu Đặng Kính bị triệu về kinh, sau khi chết bị truy giáng chức hai bậc	“Khi tại chức, tham nhũng và tà dâm, bị dân tố cáo”	[13; 93]
Năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758)	Thự Đốc thị Nghệ An Phan Cảnh, Đốc đồng Thanh Hoa Nguyễn Kỳ bị bãi chức.	“Việc thình thác bị lộ”	[13; 251]
Năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763)	Nội thị Bùi Lê Viên, Nguyễn Đình Xuân bị giáng chức đui về làm dân	“Nhiều lần cầu xin các việc cho người khác, nhận nhiều tiền bạc đút lót”	[13; 265]
Năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763)	Thự Trấn thủ Nghệ An, Hữu Đô đốc, Quán Quận công Văn Đình Úc bị cách cả ba tước, tha cho tội chết	“Đục khoét hà khắc, nhiều lần bị dân tố cáo”	[13; 265]
Năm Cảnh Hưng thứ 24	Hàn lâm Thừa chỉ, Tuân Đình bá Bùi Trọng Huyền bị cách chức,	“Được sai làm Đề điệu trường thi Nghệ	[13; 266]

(1763)	đuổi về và phải đền gấp đôi số tiền ẩn giấu nộp vào kho công.	An , [đã] ẩn giấu hơn một ngàn quan tiền”	
Năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765)	Tham chính Sơn Tây Nguyễn Đình Cơ, Hiến sát sứ Nguyễn Tông Trình và Thự Tham chính Hải Dương Phan Nhuệ đều bị biếm chức	“Khảo duyệt học trò, phần nhiều theo ý riêng mà lấy hay bỏ”	[13; 282]
Năm Cảnh Hưng thứ 29 (1768)	Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Trọng Hoành được cho từ chức	“[Khi] ở trấn thu nặng của dân, dân các châu đến kinh tố cáo”	[13; 314]
Năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772)	Đốc đồng Lạng Sơn Lê Doãn Thân bị miễn chức	“Hà khắc quấy nhiễu”	[13; 340]
Năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774)	Đô đốc Thiêm sự Nguyễn Đình Thạch, Thái tử Nguyễn Phan và Thừa chính sứ Vũ Huy Đĩnh bị giáng chức	“Tiêu lạm tiền công quỹ”	[13; 353]

Nguồn: Tác giả thống kê từ tư liệu [13]

2.2.2. Những viên quan giữ trọn đạo liêm chính

Một bộ phận không nhỏ quan lại tham tang, những nhiều như đã nêu ở trên khiến chúng ta dễ hình dung tình trạng thực hành liêm chính dưới thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài dường như chỉ có mặt tiêu cực. Trên thực tế, trong bối cảnh thời cuộc tao loạn bấy giờ vẫn có không ít những viên quan thanh liêm, chính trực. Họ đã nêu những tấm gương sáng về việc giữ trọn đạo liêm chính của người làm quan.

Trong thế kỉ XVII, những danh thần như Bồi tụng Nguyễn Văn Phú (còn gọi là Nguyễn Viết Đương), Thái bảo Đồng Tồn Trạch, Đô ngự sử Nguyễn Công Vọng, Tham tụng Nguyễn Viết Thứ, Tham tụng Nguyễn Mậu Tài...đều được sử sách ca ngợi là người tài năng, thanh liêm, chính trực.

Bồi tụng Nguyễn Văn Phú (1516 - ?) quê ở xã Bò Sao, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, còn được sử sách chép dưới cái tên Nguyễn Viết Đương (tên đổi sau này). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ khoa Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 4 (1661). Là người có tài năng, tính cách cương trực, Nguyễn Văn Phú từng được triều đình Lê - Trịnh trao cho các chức vụ quan trọng như Giám sát Ngự sử, Hữu thị lang bộ Lại, Tả thị lang bộ Binh, Bồi tụng trong phủ Chúa. Sách *Đại Việt sử kí tục biên* đánh giá: “Viết Đương là người tính tình trong sáng, cứng rắn, ít hợp với ai. Nói về chính sự triều đình thì không kiêng dè, né tránh. Người đương thời khen Đương là người cương trực” [13; 29].

Thái bảo Đồng Tồn Trạch (1616 - 1692) là người xã Nhân Huệ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi thi đỗ tiến sĩ (năm 1646), ông được chúa Trịnh bổ nhiệm là Đô cấp sự, rồi lần lượt nắm các chức Tả Thị lang bộ Công, Đô ngự sử, Hữu Thị lang bộ Hình, Thượng thư bộ Hộ, Tham tụng... Trong suốt sự nghiệp làm quan, đặc biệt là thời gian 9 năm quyền Tham tụng (Tể tướng) trong phủ chúa (từ năm 1683 đến năm 1692), Thái bảo Đồng Tồn Trạch luôn nêu cao đức liêm chính của người làm quan. Các sử gia thời Hậu Lê chép về ông như sau: “Cầm quyền chính trong chín năm mà trong nhà không chứa của thừa. Được người ta khen là thanh liêm” [13; 37].

Bồi tụng Đô ngự sử Nguyễn Công Vọng và Tham tụng Thượng thư bộ Hình Nguyễn Viết Thứ cũng đều là những vị đại thần liêm chính dưới thời Lê - Trịnh. Năm Chính Hòa thứ 13 (1692) khi cả hai đều qua đời, triều đình đã truy tặng thêm chức tước để tri ân sự đóng góp của

họ đối với triều đình. Bản thân hai ông đều được sử sách ca ngợi về phẩm chất cương trực, công minh khi làm quan: “Công vọng, khi bàn luận sang suốt hăng hái, nói thẳng, không né tránh. Viết Thứ nắm giữ phép nước, không tư vị, hay tiến dẫn người [hiền]. [Cả hai] đều là danh thần đương thời” [13; 37].

Đặc biệt, trong số các vị quan đại thần sống ở thế kỉ XVII còn phải nhắc tới một tấm gương liêm quan là Tham tụng Nguyễn Mậu Tài (1616 - 1688) - người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Nguyễn Mậu Tài từng đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Bính Tuất (1646), làm quan trải qua các chức như Đô Ngự sử, Thượng thư bộ Hình, Thượng thư bộ Binh, Tham tụng. Có sự nghiệp quan trường trải hơn 40 năm, trước sau 2 lần có hơn 10 năm nắm quyền Tham tụng (Tể tướng) nhưng Nguyễn Mậu Tài luôn trung thành tận tụy, nêu cao tấm gương về liêm chính trong công việc. Bản thân ông tuy làm quan đại thần nhưng cuộc sống vẫn thanh bần, đạm bạc như bậc hàn sĩ. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã nhận định ông “là người trong sạch, nhã nhặn, đứng đắn, chắc chắn; đối với người không bao giờ gây oán. Bất giờ ai cũng tôn ông là người có đức và độ lượng” [15; 333].

Trong thế kỉ XVIII, mặc dù tình trạng tham quan ô lại có chiều hướng ngày càng tăng song ở chôn quan trường vẫn còn không ít những viên quan tài năng, đức độ, trong hoàn cảnh nào vẫn không xa rời những nguyên tắc đạo đức trong đạo làm quan của mình. Những cá nhân tiêu biểu ở thời kì này có thể kể đến như Tham tụng Nguyễn Quán Nho, Tham tụng Nguyễn Quý Đức, Tham tụng Nguyễn Công Hãng, Tham tụng Lê Hữu Kiều, Thượng thư Lê Trọng Thứ, Việp Quân công Hoàng Ngũ Phúc, Đại Tư đồ Giáp Nguyễn Khoa, Thượng thư Lê Quý Đôn...

Tham tụng Nguyễn Quán Nho (1638 - 1709) người xã Văn Hà (có sách chép là Vạn Hà, Giác Hà), huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị thứ 5 (năm 1667), ông bắt đầu sự nghiệp làm quan của mình và lần lượt được triều đình giao nắm các trọng trách như Phó Đô ngự sử, Tả Thị lang bộ Lại, Đô ngự sử, Thượng thư bộ Binh, Tham tụng.

Trong suốt thời gian nắm quyền Tham tụng (Tể tướng), Nguyễn Quán Nho luôn chủ trương thi hành các chính sách khoan dung, giản dị nên được nhân dân kính trọng, quý mến. Sách *Đại Việt sử kí tục biên* chép rằng: “Ông cầm quyền chính chỉ cốt nắm giữ đại thể, theo đường khoan dung trung hậu. Người trong nước có đặt lời hát rằng: Tham tụng Văn Hà/ Bách tính âu ca” [13; 58].

Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720) là người làng Đại Mỗ, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Xuất thân là bậc đại khoa (từng đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ đệ tam danh), Nguyễn Quý Đức với tài “kinh bang tế thế” đã sớm có nhiều công hiến cho sự nghiệp cai trị của các chúa Trịnh. Dù ở cương vị nào (từ Thiêm đô ngự sử đến Tả Thị lang Bộ Lại, Thượng thư bộ Binh, Tham tụng), ông đều tỏ rõ sự liêm chính, gần dân. Ông chủ trương dẹp bỏ những việc phiền hà, sách nhiễu dân, luôn đề ý việc cứu trợ giúp dân nghèo. Nhà sử học Phan Huy Chú chép về Nguyễn Quý Đức như sau: “Ông đã làm Tể tướng 10 năm, về chính sự chuộng khoan hậu,...cầm việc phiền hà, tha cho người trốn tránh và thiếu thuế, bớt tạp dịch, giúp nhà nông; dân được nhờ ơn...Ông là người khoan hậu, trầm tĩnh. Ngày thường, thù tiếp ai thì dễ dàng, vui vẻ. Khi bàn luận trước mặt chúa, việc gì chưa thỏa đáng, ông cố giữ ý kiến mình (rồi) bàn ba bốn lần, không ai ngăn được” [15; 42].

Tham tụng Lê Hữu Kiều (1691 - 1760) là danh nhân kiệt xuất của làng Liêu Xá, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ông là một đại thần từng phụng sự cho triều đình Lê - Trịnh hơn bốn thập kỉ, trải qua 5 đời vua Lê (Lê Dụ Tông, Lê Duy Phường, Lê Thuần Tông, Lê Ý Tông và Lê Hiến Tông) và 4 đời chúa Trịnh (Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Giang và Trịnh Doanh). Bản thân ông là người “điềm đạm, kiệm ước”, tính tình rộng rãi nhân từ. Trải qua nhiều chức vụ khác nhau, trong đó vài lần nắm chức Tham tụng đứng đầu hàng ngũ quan lại trong phủ chúa nhưng dù ở đỉnh cao của quyền lực và danh vọng, ông luôn giữ được sự liêm khiết trong sạch khi “làm quan thuần cẩn, không lập sản nghiệp” [13; 255]. Phan Huy Chú trong *Lịch triều*

hiển chương loại chí đã đánh giá về Lê Hữu Kiều: “Ông ra ngoài làm tướng võ, vào triều làm tướng văn, hơn bốn mươi năm, công lao đức vọng rất long trọng; là người bề tôi giỏi bấy giờ” [15; 349]. Trong tấm bia tự thuật của Liêu Quận công Lê Hữu Kiều, ông cũng tự nhận xét về sự nghiệp quan trường của mình như sau: “Nhìn lại đường làm quan 40 năm qua, đứng giữa bình an và nguy hiểm, việc ứng xử rất khó khăn và nguy kịch. Thế mà đã tránh được tai họa, tránh được lỗi lầm, bảo toàn được danh tiết” [16; 165].

Năm Cảnh Hưng thứ 16 (năm 1755), khi Lê Hữu Kiều về trí sĩ đã được triều đình ban cho cờ lụa và 8 câu đối, trong đó có câu:

4

“Tại triều, tại quận vẫn kiêm vũ

Vu quốc, vu gia hiếu tổ trung.

Ồ ưu quốc sủng cung tam mệnh

Thanh bạch gia phong mỹ tứ tri” [15; 349].

(Nghĩa là: Khi ở triều, khi tại quận, tài kiêm văn võ

Với nước, với nhà lấy hiếu làm trung

Ồn nước được ân sủng ba lần làm Tể tướng

Nếp nhà thanh bạch giữ trọn đức thanh liêm)

Một số nhân vật tuy không nắm quyền Tể tướng nhưng cũng được lưu danh sử sách bởi sự liêm chính của họ trong sự nghiệp quan trường.

Năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), Đại Tư đồ Khuê quận công Giáp Nguyễn Khoa vồn là gia thần hầu hạ trong phủ chúa mật, triều đình đã truy phong ông làm phúc thần. Ông được đánh giá là người “thanh liêm cẩn thận, có tâm trí”. Ông từng được giao trọng trách coi việc ở hộ Phiên, “trải hơn hai mươi năm, khéo điều độ biết liệu số mà thu chi, không mang tiếng bớt xén hà khắc, mà việc quân việc nước chi dùng thường thừa thãi” [13; 331].

Bảng nhân Lê Quý Đôn là một vị quan bác học tiêu biểu trong thế kỉ XVIII. Ông là người nhận thức rất rõ vai trò của liêm chính cũng như tác hại của tham ô, những nhiễu và mối quan hệ của chúng đến sự thịnh suy, tồn vong của các triều đại khi tổng kết “đất nước bại vong là do quan lại gian tà” [17; 129].

Từ nhận thức đến hành động, bản thân Lê Quý Đôn luôn cố gắng thực hành liêm chính để giữ trọn đạo làm quan. Mặt khác, trong sự nghiệp quan trường của mình, dù lúc thăng lúc giáng, dù làm quan ở kinh diên hay ở các trấn, Lê Quý Đôn luôn tích cực tham gia đấu tranh, vạch trần những tiêu cực, những lạm ở chốn quan trường [4; 1-8].

Là người cương trực, thẳng thắn lại được các chúa Trịnh (từ Trịnh Doanh, Trịnh Sâm đến Trịnh Khải) yêu quý nên trong sự nghiệp quan trường của mình. Lê Quý Đôn khó tránh khỏi những thị phi, đổ kị. Tuy nhiên, ông vẫn được trọng dụng và minh oan thông qua một số sự kiện như:

Năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767), sau khi bị bãi chức Tham chính Hải Dương, Lê Quý Đôn được các triều thần mà đại diện là Nguyễn Bá Lân tâu xin với chúa Trịnh cho “lục dụng” (phục chức trở lại) với lí do “để cất nhắc người bị khuất trệ đã lâu” [13; 299].

Năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784), Lê Quý Đôn qua đời. Chúa Trịnh Khải đã xin với vua Lê Hiển Tông cho bãi triều ba ngày để tỏ ý thương tiếc.

Gạt bỏ những thị phi khó tránh khỏi về một vị quan trí thức thời Hậu Lê được ghi chép bởi các sử quan thời Nguyễn sau này, tựu chung vẫn có thể đánh giá Lê Quý Đôn là một vị quan tốt - người đã thực hành liêm chính đúng như những gì mình đã nói, viết và bàn luận.

Một số tấm gương điển hình về những viên quan giữ trọn đạo liêm chính đã nêu ở trên tuy không thể đại diện cho toàn bộ bức tranh quan trường ở cả thời đại bấy giờ nhưng cũng đủ giúp chúng ta thấy được những mặt tích cực của quan trường thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, dù có thể đó chỉ là những “điểm sáng lẻ loi”!

3. Kết luận

Qua phân tích nội hàm khái niệm liêm chính, nguyên tắc thực hành liêm chính và những dẫn dụ cụ thể từ khảo cứu quan trường thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài thế kỉ XVII - XVIII, có thể rút ra mấy điểm như sau:

Thứ nhất: Liêm chính chỉ sự liêm khiết, ngay thẳng, không tham lam, hiểu đơn giản là “trong sạch và ngay thẳng”. Liêm chính trong quan trường bao giờ cũng hướng đến một nền chính trị công bằng, chính trực mà để hiện thực hoá được điều ấy phải xuất phát trước hết từ ý thức đến hành động nhằm thực hành liêm chính của mỗi cá nhân người làm quan. Thực hành liêm chính là việc làm liên quan đến vinh nhục trong sự nghiệp quan trường của mỗi cá nhân, song cũng có quan hệ mật thiết đến sự tồn vong của một quốc gia.

Trong thực hành liêm chính, nguyên tắc giữ trọn đạo thanh liêm luôn phải được coi là điều quan trọng nhất của người làm quan. Khi đã liêm khiết, công bằng, chính trực thì công việc phải được vận hành theo đúng tinh thần “việc công thì phải theo phép công mà làm”, làm sao phải đảm bảo việc lấy lợi ích của dân làm trọng.

Thứ hai: Nhận thức về vai trò của liêm chính không khó, song thực hành liêm chính trên thực tế ra sao lại là việc làm thực sự không dễ dàng. Chiến thắng chính bản thân mình trước cám dỗ về lợi ích, vật chất là chiến thắng vinh quang nhất đối với mỗi kẻ sĩ khi ra làm quan song không phải ai cũng vượt qua được giới hạn mong manh giữa liêm chính và không liêm chính.

Từ khảo cứu cụ thể một thời kì trong lịch sử Việt Nam ở thế kỉ XVII - XVIII, có thể thấy bối cảnh thời cuộc đã góp phần là lực đẩy quan trọng đưa đến tình trạng đông đảo quan lại bị xử lí vì phạm tội tham ô, những nhiễu; vi phạm đạo đức liêm chính của người làm quan. Tất nhiên, trên “nền màu” của “bức tranh” có phần u ám đó, vẫn có những “điểm sáng le lói” là những viên quan thanh liêm, chính trực như Nguyễn Văn Phú (còn gọi là Nguyễn Viết Dương), Đổng Tồn Trạch, Nguyễn Công Vọng, Nguyễn Viết Thứ, Nguyễn Mậu Tài, Nguyễn Quán Nho, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Công Hãng, Lê Hữu Kiền, Lê Trọng Thứ, Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc, Giáp Nguyễn Khoa, Lê Quý Đôn... Họ chính là những tấm gương sáng về thực hành liêm chính trong thế kỉ XVII - XVIII nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung.

Thứ ba: Khảo cứu về liêm chính và thực hành liêm chính từ góc nhìn của sử học sẽ giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn những vấn đề cơ bản về bản chất của liêm chính và mối quan hệ giữa thực hành liêm chính với tình hình chính trị, xã hội trong mỗi thời kì lịch sử. Điều đó cũng góp phần gợi mở nhiều bài học quý báu để chúng ta có thể tham chiếu trong việc tuyển chọn, sử dụng và xử lí cán bộ, trong công tác giáo dục chính trị, đạo đức, tư tưởng cho cán bộ cũng như công cuộc phòng, chống tham nhũng và tiêu cực hiện nay.

Ghi chú: Bài báo là sản phẩm của đề tài “Phòng chống tham nhũng trong lịch sử Việt Nam từ thời Lê Sơ đến thời Nguyễn và những bài học kinh nghiệm” (mã số: B2020-SPH-04).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Kim Ngân, 1974. *Văn hóa chính trị Việt Nam - Chế độ chính trị Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII*. Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn.
- [2] Trần Thị Vinh, 2012. *Thiết chế và phương thức tuyển dụng quan lại của chính quyền nhà nước trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Phan Ngọc Huyền, 2017. *Tham nhũng và phòng chống tham nhũng thời Lê - Trịnh thế kỉ XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5, tr. 46 - 55.
- [4] Phan Ngọc Huyền, 2017. *Liêm chính trong đạo làm quan của Lê Quý Đôn*. Tạp chí Khoa học Xã hội Tp. Hồ Chí Minh, số 4, tr. 1-8.

- [5] Nhiệm Tùng Phong, 2015. *Nghiên cứu tư tưởng đức liêm của Nho gia*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hoa Trung (任松峰, 2015. 《儒家廉德思想研究》. 华中师范大学博士学位论文).
- [6] Ngô Căn Hữu, Thôi Hải Lượng, 2020. *Thử luận nội hàm cơ bản, phương pháp giáo dục về đức liêm của Nho gia truyền thống và giá trị của nó hiện nay*. Tạp chí Triết học hiện đại, số 4 năm 2020, tr.118 - 119 (吴根友,崔海亮, 2020. 《试论传统儒家廉德的基本内涵、培育方法及其当代价值》. 《现代哲学》2020年第4期, 第118-119页)
- [7] Vương Huệ, 2014. *Phân tích tư tưởng liêm chính trong văn hoá truyền thống cổ đại Trung Quốc*. Học báo Đại học Sư phạm Thanh Hải, số 4, quyển 36, tr.118-125 (王 慧, 2014. 《试中国古代传统文化中的廉政思想探析》. 青海师范大学学报 (哲学社会科学版), 2014年卷36第4期, 118-125页)
- [8] Giả Dục Lâm, 2006. *Văn hóa pháp luật về liêm chính thời cổ đại của Trung Quốc và những giá trị hiện nay*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Chính trị, Pháp luật Trung Quốc (贾育林, 2006. 《中国古代廉政法律文化及其现代价值》. 中国政法大学博士论文).
- [9] Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), 2011. *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam từ thế kỷ XV đến XVIII*. Tập I. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Lê Quý Đôn, 1961. *Vân Đài loại ngữ* (Bản dịch). Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- [11] Lê Quý Đôn, 2007. *Phủ biên tạp lục* (Bản dịch). Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [12] Đặng Huy Trứ, 2002. *Từ thụ yếu quy* (Bản dịch). Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [13] *Đại Việt sử kí tục biên 1676 – 1789* (Bản dịch), 2012. Nxb. Hồng Bàng, Gia Lai - Trung tâm ngôn ngữ văn hóa Đông Tây, Hà Nội.
- [14] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Bản dịch). Tập 2. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [15] Phan Huy Chú, 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 1. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [16] Lê Quang Chấn, 2009. Về tấm bia tự thuật của Liêu Quận công Lê Hữu Kiều ở Liêu Xá. *Thông báo Hán Nôm học*, tr.163-173.
- [17] Lê Quý Đôn, 1995. *Quần thư khảo biện* (Bản dịch). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

ABSTRACT

Integrity and practicing integrity (through the study of bureaucracy under the Lê - Trịnh period in the 17th and 18th centuries)

Phan Ngọc Huyền

Faculty of History, Hanoi National University of Education

In the ethics of mandarins in the monarchy, integrity is always the most important thing. Practicing integrity is also the most difficult job for each office in the face of the domination and temptation of interests and materialism. *From the study of the connotation of integrity and the principle of practicing integrity of mandarins*, this article examines the practice of integrity of mandarins under the Lê - Trịnh period in *Tonkin* in the Seventeenth and Eighteenth Centuries. Through analyzing the specific events and people, the article aims to clarify the two aspects “integrity” and “non-integrity” in the political career of some mandarins, thereby contributing to *defining more clearly* the status of bureaucracy in *Tonkin* during this period.

Keywords: Integrity, Practicing integrity, mandarin, the Lê - Trịnh period, 17th and 18th century.